TAND TỈNH T NGUYÊN
TAND HUYỆN P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 12/5/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH T NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Quang T - Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Nguyễn Văn T.
2. Hoàng Thị Kim L

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Xuân T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T Nguyên.

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P, tỉnh T Nguyên đưa ra xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX - ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1984 (Có mặt).
Trú tại: Tổ 2, phường G, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1979 (Có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Trường Q- Q, xã T, huyện P, tỉnh T Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị V khai như sau: Chị với anh Nguyễn Đình Tiến kết hôn năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị với anh T đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay.

Chị xác định tình cảm giữa chị với anh T không còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Chị với anh T có hai con chung gồm cháu Nguyễn Trà G, sinh ngày 19/6/2006; cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 07/12/2011. Nếu được ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trà G; anh Tiến nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Q.

- Về tài sản chung: Chị với anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không nợ ai.

- Về tài liệu chứng cứ do chị V nộp theo đơn khởi kiện gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); 01 chứng minh nhân dân của anh D; 01 căn cước công dân; 01 giấy chứng minh sỹ quan mang tên Nguyễn Đình T; 01 sổ hộ khẩu gia đình; 02 bản sao giấy khai sinh của con chung (Đều là bản phô tô có chứng thực).

2. Bị đơn anh Nguyễn Đình T khai: Anh xác định thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung đúng như chị V khai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc, từ năm 2019 đến nay giữa anh với chị V phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm vợ chồng anh vẫn còn nên chị V xin ly hôn thì anh không nhất trí, anh mong chị V suy nghĩ lại về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Nếu buộc phải ly hôn thì anh nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Q; Còn chị V sẽ nuôi cháu Nguyễn Trà G.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh với chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không nợ ai.

- Về tài liệu chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, anh Nguyễn Đình T không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ nào.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được toàn bộ vụ án nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ, sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh T hiện đang sinh sống và công tác tại xã T, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện P.

[**2**]. **Về nội dung:**

- Về quan hệ vợ chồng: Chị V với anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Lý do chị V xin ly hôn anh T là do tính tình không hợp, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng anh chị thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, hiện hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V, anh T đã diễn ra trong một thời gian dài, tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị không thể hòa hợp và hàn gắn được. Như vậy xác định mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng anh chị không còn tồn tại. Nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị V, anh Tiến có hai con chung gồm cháu Nguyễn Trà G, sinh ngày 19/6/2006; cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 07/12/2011. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị V với anh T thỏa thuận: Chị Phạm Thị V trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trà G; anh Nguyễn Đình Tiến nuôi cháu Nguyễn Đình Q.

- Về tài sản chung: Chị V, anh Tiến không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Không nợ ai.

[3].Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V, cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Đình T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trà G, sinh ngày 19/6/2006 cho chị Phạm Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 07/12/2011 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, chị V và anh T có quyền xin thay đổi nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nợ chung.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002653 ngày 09/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T Nguyên.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt các bên đương sự. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh T Nguyên;
- VKSND tỉnh T Nguyên;
- VKSND huyện P
- THADS huyện P;
- UBND xã Bình Định, Lương Tài, Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Quang T

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TỈNH T NGUYÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TRÍCH LỤC ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

T¹i bản án ly h«n sơ thẩm số 14/LHST ngµy 12/5/2022. Toµ ¸n nh©n d©n huyện P ®· ra quyÕt ®Þnh ly h«n gi÷a:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1984.
Trú tại: Tổ 2, phường G, thành phố T Nguyên, tỉnh T Nguyên.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Tiến, sinh năm 1979.
Nơi ĐKHKTT: Trường Q- Q, xã Thượng Đình, huyện P, tỉnh T Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V, cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Đình Tiến.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trà Giang, sinh ngày 19/6/2006 cho chị Phạm Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Đình Quang, sinh ngày 07/12/2011 cho anh Nguyễn Đình Tiến trực tiếp chăm sóc, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải đóng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, chị V và anh Tiến có quyền xin thay đổi nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nợ chung.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được chuyển từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002653 ngày 09/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T Nguyên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022
Cấp cho chị Phạm Thị V để sử dụng cá nhân
PHÓ CHÁNH ÁN

Phạm Quang T